

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2021 – 2022

MÔN: SINH HỌC 8

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập

Chương I. KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI

Chương II. VẬN ĐỘNG

Chương III. TUẦN HOÀN

Chương IV. HÔ HẤP

Chương V. TIÊU HÓA

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- Hiểu được đặc điểm cấu tạo phù hợp với chức năng và cách giữ gìn bảo vệ các cơ quan trong hệ vận động, tuần hoàn, hô hấp và tiêu hóa.

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

- Vận dụng giải thích một số hiện tượng hoặc vấn đề sức khỏe trong thực tế.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

1. Bài tập trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Lớp niêm mạc tiết chất nhầy lót trong đường dẫn khí có tác dụng gì?

- A. Làm ẩm không khí đi vào đồng thời bảo vệ phổi tránh các tác nhân có hại.
- B. Làm ẩm không khí đi vào đồng thời bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại.
- C. Làm ẩm và làm ẩm không khí đi vào và đi ra.
- D. Chứa nhiều tế bào lympho có tác dụng diệt vi khuẩn vi rút

Câu 2. Công nhân làm việc dưới hầm than thường bị ngạt là vì?

- A. Vệ sinh cá nhân không sạch sẽ gây bụi cho đường dẫn khí.
- B. Trong hầm than, hàm lượng NO_2 và SO_2 tăng gây các bệnh viêm đường hô hấp
- C. Trong hầm than, hàm lượng CO_2 và CO tăng, hàm lượng O_2 giảm
- D. Trong hầm than, có nicotin làm tê liệt lớp lông rung, có thể gây ung thư phổi

Câu 3. Vì sao khi tiêm thuốc chữa bệnh thường tiêm vào tĩnh mạch?

- A. Tĩnh mạch có áp lực máu lớn.
- B. Tĩnh mạch dẫn máu từ tim đi đến các cơ quan.
- C. Tĩnh mạch có lòng rộng và nằm cạn.
- D. Tĩnh mạch nằm sâu trong thịt, khó tìm.

Câu 4. Đường đi của các chất khí trong quá trình trao đổi khí ở phổi là?

- A. O₂ đi từ phế nang vào tế bào, CO₂ đi từ tế bào vào phế nang.
- B. O₂ đi từ máu vào tế bào, CO₂ đi từ tế bào vào máu.
- C. O₂ đi từ phế nang vào tế bào, CO₂ đi từ tế bào vào phế nang.
- D. O₂ đi từ phế nang vào máu, CO₂ đi từ máu vào phế nang.

Câu 5. Nhịp tim không tăng lên trong trường hợp nào sau đây?

- A. Khi bị khuyết tật tim (hẹp hoặc hở van tim, xơ phổi, mạch máu xơ cứng...)
- B. Khi sử dụng các chất kích thích như thuốc lá, rượu, hêrôin...
- C. Khi cơ thể ở trạng thái nghỉ ngơi hoàn toàn
- D. Khi cơ thể trải qua cú sốc nào đó: sốt cao, mất máu, mất nước hoặc lo lắng, sợ hãi kéo

Câu 6. Nước chiếm 90% thành phần huyết tương, hỏi nó chiếm bao nhiêu % trong máu?

- A. 45%
- B. 49,5%
- C. 55%
- D. 45,9%

Câu 7. Vì sao tim làm việc cả đời không mệt mỏi?

- A. Trong mỗi chu kỳ co dãn, tim đã nghỉ ngơi hoàn toàn 0,4s
- B. Trong mỗi chu kỳ co dãn, tim đã nghỉ ngơi hoàn toàn 0,5s
- C. Trong mỗi chu kỳ co dãn, tim đã nghỉ ngơi hoàn toàn 0,1s
- D. Trong mỗi chu kỳ co dãn, tim đã nghỉ ngơi hoàn toàn 0,7s

Câu 8. Hô hấp nhân tạo không áp dụng cho trường hợp nào dưới đây?

- A. Nạn nhân bị đuối nước
- B. Nạn nhân bị điện giật
- C. Nạn nhân bị sốt cao
- D. Nạn nhân bị ngạt khí

Câu 9. Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích?

- A. 75%
- B. 60%
- C. 45%
- D. 55%

Câu 10. Các chất dinh dưỡng được cơ thể hấp thụ trực tiếp không qua hoạt động biến đổi hóa học là?

- A. Vitamin, protein và nước
- B. Axit amin và muối khoáng
- C. Vitamin, glyxerin và nước
- D. Vitamin, muối khoáng và nước

Câu 11. Quá trình biến đổi hóa học các chất dinh dưỡng diễn ra chủ yếu ở?

- A. Dạ dày
- B. Ruột non
- C. Thực quản
- D. Ruột già

Câu 12. Ở xương dài của trẻ em, bộ phận nào có chứa tủy đỏ?

- A. Mô xương xốp và khoang xương
- B. Mô xương cứng và mô xương xốp
- C. Khoang xương và màng xương
- D. Màng xương và sụn bọc đầu xương

Câu 13. Mô nào dưới đây không được xếp cùng nhóm với các mô còn lại?

- A. Mô máu
- B. Mô cơ trơn
- C. Mô xương
- D. Mô mỡ

Câu 14. Mô máu và bạch huyết được xếp vào nhóm mô nào?

- A. Mô liên kết.
- B. Mô thần kinh.

C. Mô cơ.

D. Mô biểu bì.

Câu 15. Vì sao người trưởng thành không thể cao thêm?

A. Vì tế bào màng xương bị hủy hoại

B. Vì sụn tăng trưởng không còn khả năng hóa xương

C. Vì người trưởng thành không còn khả năng dung nạp canxi

D. Vì đầu xương dài ở người trưởng thành bị thoái hóa

Câu 16. Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động?

A. Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân

B. Khớp giữa các xương hộp sọ

C. Khớp giữa các đốt sống

D. Khớp giữa các đốt ngón tay

Câu 17. Một vòng phản xạ được xây dựng từ bao nhiêu yếu tố?

A. 5 yếu tố

B. 4 yếu tố

C. 3 yếu tố

D. 6 yếu tố

Câu 18. Cơ có hai tính chất cơ bản, đó là?

A. Co và dẫn.

B. Gấp và duỗi.

C. Phồng và xẹp.

D. Kéo và đẩy.

Câu 19. Đặc điểm nào dưới đây không có ở hồng cầu người?

A. Hình đĩa, lõm hai mặt

B. Nhiều nhân, nhân nhỏ và nằm phân tán

C. Màu đỏ hồng

D. Tham gia vào chức năng vận chuyển khí

Câu 20. Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi?

A. N_2

B. CO_2

C. O_2

D. CO

Câu 21. Cho các loại bạch cầu sau, có bao nhiêu loại bạch cầu không tham gia vào hoạt động thực bào?

1. Bạch cầu mono

2. Bạch cầu trung tính

3. Bạch cầu ưa axit

4. Bạch cầu ưa kiềm

5. Bạch cầu lympho

A. 4

B. 2

C. 3

D. 1

Câu 22. Khi được tiêm phòng vaccin thủy đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào?

A. Miễn dịch tự nhiên

B. Miễn dịch nhân tạo

C. Miễn dịch tập nhiễm

D. Miễn dịch bẩm sinh

Câu 23. Trong hệ nhóm máu ABO, khi lần lượt để các nhóm máu truyền chéo nhau thì sẽ có tất cả bao nhiêu trường hợp gây kết dính hồng cầu?

A. 7 trường hợp

B. 3 trường hợp

C. 2 trường hợp

D. 6 trường hợp

Câu 24. Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp?

A. Thanh quản

B. Thực quản

C. Khí quản

D. Phế quản

Câu 25. Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế nào?

- A. Bỏ sung. B. Chủ động. C. Thẩm thấu D. Khuếch tán

Câu 26. Đáp án nào sau đây không đúng khi nói về “hiệu quả của việc hít thở sâu”?

- A. Hít thở sâu giúp loại thải hoàn toàn lượng khí cặn và khí dự trữ còn tồn đọng trong phổi, tạo ra khoảng trống để lượng khí hữu ích dung nạp vào vị trí này.
B. Khi hít thở sâu thì O₂ sẽ tiếp cận được với từng tế bào trong cơ thể, hiệu quả trao đổi khí ở tế bào sẽ cao hơn.
C. Khi hít vào gắng sức sẽ làm tăng lượng khí bỏ sung cho hoạt động trao đổi khí ở phế nang và khi thở ra gắng sức sẽ giúp loại thải khí dự trữ còn tồn đọng trong phổi.
D. Khi hít thở gắng sức làm cho lồng ngực và phổi được mở rộng, lượng không khí đi vào và đi ra nhiều hơn, nhịp thở tăng lên.

Câu 27. Ý nào sau đây không đúng khi nói về bệnh xơ vữa động mạch?

- A. Thường xuất hiện ở người lớn tuổi ít vận động cơ bắp, chế độ ăn nhiều thịt, trứng, sữa.
B. Do colesteron và ion canxi ngấm vào thành mạch máu làm lòng mạch hẹp và gồ ghề
C. Động mạch xơ vữa có thể gây xuất huyết dạ dày, xuất huyết não hoặc tử vong
D. Người bị xơ vữa động mạch nên chịu khó nghỉ ngơi, bồi bổ nhiều tinh bột, đạm

Câu 28. Trong cơ thể sống, tế bào nằm chìm ngập trong loại dịch nào?

- A. Nước mô B. Máu C. Dịch bạch huyết D. Huyết tương

Câu 29. Khi nói về hiện tượng “chui rút”, nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Do tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh rồi lại duỗi ra
B. Do tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ dài ra
C. Do tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày và không trở về vị trí ban đầu
D. Do tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại

Câu 30. Nối các ý ở cột (A) với cột (B) sao cho phù hợp

Mục đích (A)	Biện pháp (B)
1. Để tăng cường khả năng sinh công của cơ và giúp cơ làm việc dẻo dai	a. Nghỉ ngơi, xoa bóp, uống nhiều nước lọc
2. Khi bị mỏi cơ	b. Ngồi học ngay ngắn, đúng tư thế theo quy tắc “4 điểm chạm”.
3. Để tránh cong vẹo cột sống	c. Tắm nóng, tắm lạnh theo lộ trình phù hợp để tăng cường sức chịu đựng của cơ
4. Tránh các áp lực lớn đè lên xương và khớp	d. Lao động vừa sức, không mang vác quá nặng

- A. 1a, 2c, 3b, 4d B. 1d, 2a, 3b, 4c C. 1c, 2a, 3d, 4b D. 1c, 2a, 3b, 4d

Câu 31. Dựa trên kiến thức về vị trí của các cơ quan tiêu hóa đã học, hãy chẩn đoán một số dạng đau bụng sau có thể là vấn đề của các cơ quan nào?

Kiểu đau bụng	Cơ quan gặp vấn đề
1. Đau bụng trên về phía bên trái, xuất hiện khi quá đói hoặc bị căng thẳng kéo dài.	a. Ruột thừa
2. Đau bụng dưới bên phải, cơn đau tăng dần và kéo dài; đau lan dần xuống hố chậu.	b. Mật
3. Đau trên rốn, bên phải, cơn đau dữ dội.	c. Dạ dày

A. 1a, 2c, 3b

B. 1b, 2a, 3c

C. 1c, 2a, 3b

D. 1c, 2b, 3a

2. Bài tập tự luận

Câu 1. Nêu các tác nhân gây hại cho hệ vận động và biện pháp phòng tránh? Làm thế nào để có một chiều cao tối đa trong giai đoạn dậy thì?

Câu 2. Nêu các tác nhân gây hại cho hệ tuần hoàn? Cần làm gì để có một hệ tuần hoàn khỏe mạnh?

Câu 3. Trình bày các hoạt động bảo vệ cơ thể của bạch cầu? Có mấy loại miễn dịch, cho ví dụ?

Câu hỏi vận dụng thực tiễn

Câu 4. Khi gặp người bị ngừng hô hấp do một trong các nguyên nhân như ngạt khí, do điện giật hoặc do đuối nước, sau khi nạn nhân được đưa ra khỏi vùng nguy hiểm em có thể tiến hành các bước như thế nào để góp phần cứu sống nạn nhân?

Câu 5. Trong gia đình có 4 người: Cha có nhóm máu O, mẹ có nhóm máu A, con gái thứ nhất có nhóm máu AB, con gái thứ 2 có nhóm máu B.

a. Hãy lập sơ đồ cho nhận giữa các nhóm máu của 4 người trong gia đình trên trên?

b. Khi người cha cần nhận máu thì phải được xử lý như thế nào?

Long Biên, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Người lập đề cương	NHÓM TRƯỞNG	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG (<i>đã kí</i>)
Vũ Nguyễn Huyền Trang	Đào Thị Thanh Mai	Cao Thị Phương Anh